

TỔNG HỢP CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN THUỘC HUYỆN XUÂN LỘC

ĐVT: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất điều tra				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
V	HUYỆN XUÂN LỘC													
16	Đường ngã ba cây xăng Trung Tín - ngã ba Nông trường Thọ Vực - ngã ba chề biển (xã Xuân Bắc)	300	150	110	80	800	480	-	-					Bỏ đường này quy định 2 đường mới bổ sung
64	Đường Ngõ Đức Kế (xã Xuân Trường)	350	150	110	80					350	150	110	80	sửa xã Xuân Tâm sửa thành xã Xuân Trường (chỉ sửa tên đường)
	Đường mới bổ sung trong bảng giá													
80	Đường vào UBND xã Xuân Hiệp					800	420	300		360	200	160	130	là các hẻm nối với Quốc Lộ 1 có mức giá thị trường tương đồng nhau, đã được nâng cấp lên thành đường trong quá trình thực hiện nông thôn mới; giá đề xuất của các tuyến đường này cao hơn Vị trí 2 của Quốc lộ 1 A đoạn qua xã Xuân Hiệp
81	Đường Xuân Hiệp 12					820	420	300		360	200	160	130	
82	Đường Xuân Hiệp 14					830	420	300		360	200	160	130	
83	Đường Việt Kiều 5 (xã Xuân Hiệp)					790	420	300		360	200	160	130	
84	Đường hẻm 2652/2, đường Xuân Hiệp 22					780	420	300		360	200	160	130	
85	Đường Xuân Hiệp - Lang Minh					800	420	300		360	200	160	130	
86	Đường Xuân Hiệp 2					840	420	300		360	200	160	130	
87	Đường Xuân Hiệp 3					830	450	300		360	200	160	130	
88	Đường Xuân Hiệp 4					820	430	310		360	200	160	130	
89	Đường Xuân Hiệp 5					850	420	330		360	200	160	130	
90	Đường Xuân Hiệp 6					800	450	300		360	200	160	130	
91	Đường Xuân Hiệp 7					810	440	300		360	200	160	130	
92	Đường Xuân Hiệp 8					800	420	300		360	200	160	130	
93	Đường Xuân Hiệp 9					820	460	300		360	200	160	130	
94	Đường Xuân Hiệp 10					800	420	300		360	200	160	130	

TT	Tên đường đường phố	Giá đất 2015 -2019				Giá đất điều tra				Giá đất 2015 -2019 điều chỉnh				Ghi chú
		VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	VT1	VT2	VT3	VT4	
95	Đường Xuân Hiệp 16					830	420	300		360	200	160	130	
96	Đường Xuân Hiệp 17					810	450	300		360	200	160	130	
97	Đường Xuân Hiệp 25					790	430	300		360	200	160	130	
98	Đường đi vào Nông trường Thọ Vực	300	150	110	80	750	370	260	-	300	150	110	80	Đường ngã ba cây xăng Trung Tín - ngã ba Nông trường Thọ Vực - ngã ba chế biến (xã Xuân Bắc) được chia thành 2 đường gồm: Đường đi vào Nông trường Thọ Vực và Đường đi Xuân Bắc - Long Khánh; Trong đó Đường đi vào Nông trường Thọ Vực có điểm đầu tại thửa đất số 84 tờ bản đồ số 93 và điểm cuối tại thửa đất số 273 tờ bản đồ số 73, có chiều dài khoảng 4, 2 Km và Đường đi Xuân Bắc - Long Khánh có điểm đầu tại thửa đất số 34 tờ bản đồ số 26 và điểm cuối tại thửa đất số 262 tờ bản đồ số 102, có chiều dài khoảng 5 Km.
99	Đường đi Xuân Bắc - Long Khánh	300	150	110	80	760	380	260		300	150	110	80	
100	Đường Ấp 1 - Bảo Quang (Long Khánh)					770	370	270		300	150	110	80	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 16 tờ bản đồ số 89 và điểm cuối tại thửa đất số 57 tờ bản đồ số 120, có chiều dài khoảng 2,4 Km.
101	Đường Ấp 6 - Bảo Quang (Long Khánh)					750	360	260		300	150	110	80	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 237 tờ bản đồ số 74 và điểm cuối tại thửa đất số 430 tờ bản đồ số 102, có chiều dài khoảng 2,9 Km.
102	Đường cầu Đội 1 Ấp 8					750	370	260		300	150	110	80	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 48 tờ bản đồ số 78 và điểm cuối tại thửa đất số 9 tờ bản đồ số 81, có chiều dài khoảng 2,9 Km.
103	Đường vào đồi đất đỏ					750	370	260		300	150	110	80	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 195 tờ bản đồ số 67 và điểm cuối tại thửa đất số 80 tờ bản đồ số 49, có chiều dài khoảng 3 Km.
104	Đường SaBi					750	370	260		300	150	110	80	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 6 tờ bản đồ số 34 và điểm cuối tại thửa đất số 21 tờ bản đồ số 18, có chiều dài khoảng 3,2 Km.
105	Đường ấp 3B đi Nông trường Thọ Vực					750	370	260		300	150	110	80	Đường này có điểm đầu tại thửa đất số 175 tờ bản đồ số 37 và điểm cuối tại thửa đất số 59 tờ bản đồ số 78 có chiều dài khoảng 3 Km.